

Chương XI

ĐƯỜNG RA BIỂN LỚN

SAU KHI TRUNG ÚY BÙI QUANG THẬN KÉO LÁ CỜ Mặt trận Dân tộc Giải phóng lên nóc dinh độc lập và tướng Dương Văn Minh, người làm tổng thống Việt Nam cộng hoà mới được 3 ngày, tuyên bố đầu hàng vô điều kiện thì coi như cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và khát vọng thống nhất Tổ quốc của dân tộc Việt Nam đã hoàn thành. Nếu tính từ lúc R. De Genouilly ra lệnh nổ súng tấn công vào Đà Nẵng (1858) và sau đó nổ súng hạ pháo đài Phước Thắng, chốt tiền tiêu của thành Biên Hoà cho đến Đồng Nai giải phóng hoàn toàn vào ngày 29/4/1975, thì nỗi nhục mất nước kéo dài suốt 42.655 ngày, đã rửa xong. Song, trong từng ấy thời gian với biết bao đau thương, bi kịch đè nặng lên từng số phận con người và mỗi gia đình Việt Nam - Đồng Nai thì không thể giải quyết trong thời gian của một đời người.

Ra khỏi cuộc chiến tranh ác liệt nhất, kéo dài

nhất thế kỷ XX, cũng như bao người Việt Nam, người Đồng Nai chỉ ước mong đất nước mãi mãi hoà bình để “rèn thanh gươm thành lưỡi cày” tiến hành canh tân đất nước. Từ những vết thương chưa lành miệng còn trên đất nước cũng như trên cơ thể và tâm hồn mỗi người Việt Nam, người Đồng Nai háo hức bắt tay vào việc hàn gắn những vết thương chiến tranh. Đó là nguyện vọng của toàn dân tộc trong việc dốc toàn lực với quyết tâm “xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, “sánh vai cùng các cường quốc năm châu” như thưở còn sanh tiền Bác Hồ hằng mong ước. Thế nhưng, trong tiến trình thực hiện khát vọng rửa sạch cái nhục đói nghèo, chúng ta đụng phải những lực cản chủ quan, khách quan của cơ chế quan liêu bao cấp, tình trạng bao vây cấm vận, thiên tai liên tiếp xảy ra, lại thêm có lực cản tự ti, không dám “vượt lên chính mình” để vươn ra biển lớn.

Những lực cản do cơ chế quản lý bao cấp, dù cơ chế ấy do con người để ra và những hệ lụy của nó vẫn còn di căn kéo dài trong tư duy của người Việt Nam từ thứ dân cho đến quan nhất phẩm của triều đình, nên họ ngại đổi mới – mặc dù có lúc cố Tổng bí thư Trường Chinh kêu gọi phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy. Cái tâm lý ỷ lại của cơ chế bao

cấp và cái tính hẹp hòi của con người lớn lên trong nền sản xuất tiểu nông, đã làm hạn chế tầm nhìn xa trông rộng của của người Việt Nam. Những hạn chế này như một sợi dây vô hình trói buộc tư duy con người, làm cho con người Việt Nam ít dám có lá gan lớn, suy nghĩ lớn, có cách làm lớn. Vì người ta không chỉ sống nhờ vào bao cấp về lương thực, thực phẩm theo kiểu phân phối qua tem phiếu và một số người khác cũng sống nhờ vào sự bao cấp tư duy của người khác, của cấp trên nghĩ giúp, làm giúp. Bởi con người có gần hai, ba thế hệ đều là sản phẩm của bao cấp – nói theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng thì làm sao có suy nghĩ lớn và lại càng không dám táo bạo hành động để “mình vượt qua chính mình” góp phần đưa Tổ quốc vượt lên trên tầm Tổ quốc 4.000 năm.

Cũng phải nói rằng, chính sách bao vây cấm vận của Hoa Kỳ kéo dài đến 1995, cũng là nguyên nhân, là lực cản làm chậm khát vọng rửa cái nhục đói nghèo của người Việt Nam. Bởi vì, những năm trước đổi mới, ngoài Liên Xô, các nước Đông Âu, các môi ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế của Việt Nam đi đâu cũng đụng các rào cản hữu hình hoặc vô hình, trực tiếp hoặc gián tiếp do chính quyền Mỹ tác động ngăn cản từ gần đến xa. Những

nước bạn bè ủng hộ Việt Nam về chính trị, nhưng tiềm lực của nền kinh tế cũng còn khó khăn không kém Việt Nam, nên chưa có điều kiện kinh tế giúp đỡ nhau một cách hữu hiệu, mặc dù tấm lòng yêu luôn có thừa trong tình cảm của họ dành cho Tổ quốc của Hồ Chí Minh.

Cũng phải 20 năm sau khi kết thúc chiến tranh, sau những động tác lúc gián tiếp, lúc trực tiếp, khi thì đường tắt, lúc thì phải đi đường vòng với bao tâm lực và trí lực đổ ra, Việt Nam mới mở được vòng vây cấm vận của Mỹ – một siêu cường duy nhất đã thất bại khi gây chiến tranh ở Việt Nam. Khi Liên Xô sụp đổ, nước ta vẫn còn bị Mỹ bủa lưới bao vây kinh tế, cấm vận chính trị, làm cho Việt Nam khó khăn càng chồng chất khó khăn. Khó khăn đến mức, các nhà nghiên cứu nhận định: lúc đó vận mệnh của đất nước và chế độ ở trong thế “chỉ mảnh treo chuông”. Trở lại chuyện Liên Xô tan rã, Đông Âu sụp đổ hồi năm 1990–1991, cũng là một cái húc giạt lùi, khiến chúng ta đau điếng cả về chính trị lẫn kinh tế. Chỉ riêng về kinh tế, mỗi năm – Việt Nam mất gần một tỷ rúp, tương đương với gần một tỷ đô la quy đổi thông qua viện trợ hàng hoá, lương thực thực phẩm, nguyên, nhiên liệu của Liên Xô cho nền kinh tế trụ vững trong thế bao

vây ngặt nghèo. Do đó, khi mất nguồn viện trợ này, trên bình diện quốc gia, nước ta cũng không còn được bao cấp từ Liên Xô để bao cấp lại cho các hoạt động của cả nước.

Thời điểm nguy kịch ấy, nên Việt Nam phải bằng mọi giá tự xoay sở đứng được trên đôi chân của mình đã là một kỳ tích rồi, chứ còn thời gian, tiềm lực, tâm sức đâu mà thực hiện khát vọng làm giàu. Sau một chặng đường thống nhất với quỹ thời gian không nhỏ đã đi qua và tất nhiên thời cơ cũng đi qua, Việt Nam đứng trước những thử thách sống còn phải vượt qua. Nhưng “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, trong khi đối diện với những thử thách gay gắt của nền kinh tế, lòng dân bị phân tâm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bình tĩnh phân tích tình hình, tìm cơ hội ở ngay trong thách thức. Rồi từ thực tiễn sinh động của cuộc sống, một khẩu hiệu chính trị làm lay động tình thế – trước hết là lòng người đã được Đại hội VI đưa ra trước đó, là “nắm vững quy luật, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế và lấy dân làm gốc” được tiếp tục vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cuộc sống. Cùng với phương châm hành động này, tiếp theo đó là một số chính sách đã được ban hành đi vào cuộc sống làm cho nền kinh tế đã có chuyển động bước

dầu, trong đó thấy rõ nhất là nông nghiệp. Từ chỗ thiếu ăn phải nhập lương thực nhưng cuối năm 1989 Việt Nam đã xuất khẩu gần 300.000 tấn gạo – đó là kết quả của chỉ thị 100 đi vào cuộc sống, đã giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp, tạo ra hiệu quả kỳ diệu đến mức khó tin. Kết quả này đã được minh chứng thấy rõ qua việc khoán chui ở tập đoàn Hưng Thịnh, Hưng Lộc, huyện Thống Nhất tỉnh Đồng Nai trước khi chỉ thị 100 được ban hành là hoàn toàn đúng đắn và nó càng đúng đắn hơn, khi chúng ta nhắc đến ông Kim Ngọc, Bí thư tỉnh Vĩnh Phú – cha đẻ của phương thức khoán trong nông nghiệp.

*
**

Hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, quốc lực Việt Nam nói chung, tiềm lực của Đồng Nai nói riêng đã có một sự thay đổi rất căn bản trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng... Tư duy và phong cách hành động của người Việt Nam cũng có bước chuyển tích cực theo bước chuyển của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và từng bước hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nhất là khi Việt Nam gia nhập WTO, được bầu làm ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc.

Trong quá trình đổi mới phát triển, Việt Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng đã đạt được nhiều thành tựu – thành tựu là to lớn, bao trùm – nhưng cũng còn nhiều bất cập, yếu kém, khuyết điểm cả ở tầm vĩ mô lẫn vi mô; bất cập từ hạ tầng cơ sở đến sự điều hành ở thượng tầng kiến trúc. Đó là điều bất cập trên đường phát triển, mà từ người dân bình thường đến Thủ tướng không ai muốn xảy ra, nhưng nó vẫn xảy ra từ ba nguyên nhân là: Bộ máy hành chính công kênh, kém hiệu quả, hạ tầng kỹ thuật yếu kém và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu. Ba điểm “thắt nút cổ chai” này, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã chỉ ra và yêu cầu bộ máy hành pháp phải nhanh chóng khắc phục, tiếp tục đưa đất nước vượt qua bão tố tài chính và suy thoái kinh tế thế giới đang chuyển nhanh theo xu hướng toàn cầu hoá.

*
**

Quả thật hội nhập kinh tế quốc tế hay nói nôm na là đi ra biển lớn với những cam kết tuân theo “luật chơi” của thế giới hết sức ngặt nghèo – đối với bộ máy điều hành của chúng ta, quả là chưa có lập trình sẵn có trong tư duy lý luận lẫn thực tiễn hành động. Nhưng yêu cầu phải đáp ứng đầy đủ các điều ước quốc tế, đảm bảo tăng trưởng kinh tế, phát

triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, đi đúng định hướng chính trị trên cơ sở tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng cầm quyền – là những yêu cầu không đơn giản để làm cho Việt Nam lớn lên ngang tầm với thế giới.

Tuy nhiên, để Việt Nam “lớn nhanh” sánh ngang hàng với các nước trong khu vực và thế giới, chúng ta không thể nôn nóng chủ quan, nếu không sẽ trở thành duy ý chí. Câu chuyện Thánh Gióng và Chiếc nỏ Thần của An Dương Vương làm chúng ta tự hào, nhưng không thể đòi hỏi kinh tế Việt Nam, sau khi ngủ một đêm có thể trở thành con hổ, con rồng. Tất cả phải tuân theo quy luật phát triển và quy luật này phải vận dụng sáng tạo trên cơ sở thực tiễn là xuất phát điểm của nền kinh tế, từ đó biết tranh thủ thời cơ của thế giới chuyển động không ngừng để đề ra các quyết sách năng động cho tăng trưởng. Mọi sự phát triển của Việt Nam đều gắn liền với hơi thở của dân tộc và thời đại, mọi chuyển biến chính trị, kinh tế ở một nơi nào đó trên hành tinh này, đều ít nhiều tác động đến Việt Nam, cả mặt tích cực lẫn chiều tiêu cực.

Mọi sự sốt ruột, mong muốn, ước mơ có thể gọi là khát vọng làm cho dân ta mau giàu, nước ta mau

mạnh, sánh vai cùng các nước lớn là điều cần thiết đối với mỗi người Đồng Nai – Việt Nam. Nhưng dù yêu nước cỡ nào, theo cách nào cũng nên bình tâm phân tích thấu tình, đạt lý hoàn cảnh lịch sử và xuất phát điểm của kinh tế Việt Nam – chưa kể những di căn của hoàn cảnh và tác động tiêu cực của các nhân tố bên ngoài lẫn bên trong, để chia sẻ một cách có trách nhiệm với bộ máy công quyền hơn là chỉ ngồi đó phê phán như người ngoài cuộc. Những quốc gia xung quanh chúng ta có thể có quy mô diện tích, dân số nhỏ hơn Việt Nam; điểm xuất phát gần giống Việt Nam, độ dài thời gian canh tân gần bằng chúng ta đổi mới, nhưng hơn chúng ta từ 5 đến 30 lần bình quân thu nhập đầu người tính theo đô la là điều chúng ta cần học hỏi kinh nghiệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá của họ. Song chỉ nêu con số mà không phân tích hoàn cảnh lịch sử cụ thể, cả hoàn cảnh bên trong, bên ngoài của các quốc gia đó với hoàn cảnh bên trong, bên ngoài của Việt Nam và cả mục tiêu lý tưởng nữa, mà chỉ so sánh đơn thuần về số học, thì e rằng sẽ khập khễnh. Bởi những con số ấy đều có mặt phải, mặt trái của nó, nếu nhìn một cách biện chứng qua các lăng kính chính trị – kinh tế – văn hoá – xã hội thì sẽ thấy mặt trái của nó không chỉ là thu nhập về kinh tế.

*
**

Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra khẩu hiệu chính trị của mình là phấn đấu thực hiện: “Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”. Đây là một khẩu hiệu chính trị nhưng cần nghĩ ở tầm cao hơn để xem đó là một tuyên ngôn chính đạo của những người Cộng sản Việt Nam, bởi nội hàm của cụm từ kể trên đã thể hiện ước nguyện của Hồ Chí Minh – người khai sinh ra Đảng, ra nước Việt Nam độc lập. Ước nguyện của Bác Hồ cũng là ước nguyện của nhân dân và là khát vọng chính đáng của Đảng và toàn dân tộc. Vì vậy, muốn cho nhân dân ta ấm no, hạnh phúc, đất nước ta cường thịnh, quốc lực và nền độc lập tự do của Việt Nam vững rễ bền gốc, mỗi người Việt Nam hãy nhân gấp đôi kích cỡ lòng yêu nước sẵn có trong tim, đồng thuận thực hiện tuyên ngôn chính đạo của Đảng cũng là của dân tộc Việt Nam.